

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XNK PHÚC AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XNK PHÚC AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC AN XNK TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109208359

3. Ngày thành lập: 02/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 211 Tổ 1 Đường Phúc Diễn, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0974082560

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
3.	In ấn	1811
4.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
5.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
6.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
7.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
8.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
9.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
10.	Thu gom rác thải độc hại	3812
11.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
12.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
13.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
14.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
15.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4511
16.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4512
17.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa	4610(Chính)
18.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620

19.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4631
20.	Bán buôn thực phẩm (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4632
21.	Bán buôn đồ uống (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4633
22.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4634
23.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4649
24.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4651
25.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4652
26.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4653
27.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4659
28.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4661
29.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662
30.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4663
31.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
32.	Bán buôn tổng hợp (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4690
33.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4711
34.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4719
35.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4721

36.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng - Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
37.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4723
38.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4741
39.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4752
40.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4753
41.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4759
42.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
43.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ các hàng hóa cấm, loại trừ bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tiền kim khí; tem và vàng trang sức; Loại trừ hoạt động đầu giá)	4773
44.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ các hàng hóa cấm, loại trừ bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tiền kim khí; Loại trừ hoạt động đầu giá)	4774
45.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
48.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

49.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
50.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
51.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
52.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
53.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
54.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
55.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
56.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
57.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
58.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
59.	Quảng cáo	7310
60.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động báo chí và những hoạt động nhà nước cấm)	7320
61.	Cho thuê xe có động cơ	7710
62.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
63.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
64.	Đại lý du lịch	7911
65.	Điều hành tua du lịch	7912
66.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
67.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
68.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
69.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
70.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
71.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
72.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Dịch vụ photo, chuẩn bị tài liệu	8219
73.	Dịch vụ đóng gói	8292
74.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết : Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299

76.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
77.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
78.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
79.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
80.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
81.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
82.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
83.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN MINH THÚY	Phòng 1507, Nhà C6, Khối 2, KĐT Mỹ Đình 1, Đường Trần Hữu Dực, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	990.000.000	99,000	040187000577	
2	PHAN THỊ VÂN	Đội 6, Xóm Bình Sơn, Nam Lạc, Xã Hùng Tiến, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	10.000.000	1,000	C3506497	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN MINH THÚY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/01/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 040187000577

Ngày cấp: 12/08/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 1507, Nhà C6, Khối 2, KĐT Mỹ Đình 1, Đường Trần Hữu Dực, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 3705, Nhà A3, Vinhomes Gardenia, Đường Hàm Nghi, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội